

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 228 /UBND-TH

Bình Định, ngày 13 tháng 01 năm 2023

V/v báo cáo tình hình nợ  
của chính quyền địa phương  
năm 2022

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Thực hiện Nghị định số 93/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ quy định về quản lý nợ của chính quyền địa phương;

Trên cơ sở số liệu tổng hợp của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh Bình Định báo cáo Bộ Tài chính về tình hình nợ của chính quyền địa phương năm 2022 (chi tiết tại Phụ lục kèm theo Công văn này).

UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Vụ NSNN;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K17.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Tự Công Hoàng**

## ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

## BÁO CÁO TÌNH HÌNH VAY VÀ TRẢ NỢ CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022

Đơn vị: Triệu đồng

| TT         | Nội dung  | Dư nợ đầu kỳ<br>(ngày 01<br>tháng 01) | Vay trong kỳ<br>(*) | Trả nợ trong năm |              |               | Dư nợ cuối<br>kỳ (ngày 31<br>tháng 12) |
|------------|---|---------------------------------------|---------------------|------------------|--------------|---------------|--|
|            |   |                                       |                     | Gốc              | Lãi/phí      | Tổng          |  |
| <i>a</i>   | <i>b</i>  | <i>1</i>                              | <i>2</i>            | <i>3</i>         | <i>4</i>     | <i>5</i>      | <i>6=1+2-3</i>                         |
|            | <b>Tổng số</b>  | <b>338.963</b>                        | <b>33.912</b>       | <b>42.925</b>    | <b>4.708</b> | <b>47.633</b> | <b>329.950</b>                         |
| <b>I</b>   | <b>Tạm ứng ngân quỹ nhà nước</b>  | <b>0</b>                              |                     |                  |              | <b>0</b>      | <b>0</b>                               |
| <b>II</b>  | <b>Vay các tổ chức tài chính, tín dụng</b>  | <b>0</b>                              | <b>0</b>            | <b>0</b>         | <b>0</b>     | <b>0</b>      | <b>0</b>                               |
| <b>III</b> | <b>Vay lại vốn vay nước ngoài</b>   | <b>338.963</b>                        | <b>33.912</b>       | <b>42.925</b>    | <b>4.708</b> | <b>47.633</b> | <b>329.950</b>                         |
| 1          | Dự án Vệ sinh môi trường các thành phố duyên hải                                  | 9.192                                 |                     | 1.149            |              | 1.149         | 8.043                                  |
| 2          | Dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8)                                      | 52.700                                | 1.722               | 4.650            | 1.094        | 5.744         | 49.772                                 |
| 3          | Dự án Xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP)           | 51.095                                |                     | 3.990            | 1.025        | 5.015         | 47.105                                 |
| 4          | Dự án Môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn | 131.223                               | 32.190              | 20.983           | 1.628        | 22.611        | 142.430                                |
| 5          | Dự án Năng lượng nông thôn II (REII) **   | 94.753                                |                     | 12.153           | 961          | 13.114        | 82.600                                 |

**Ghi chú:**

\* Số vay lại vốn vay nước ngoài trong năm quy đổi từ USD sang VND theo tỷ giá hạch toán ngân sách nhà nước do Bộ Tài chính công bố, áp dụng vào thời điểm phát sinh giao dịch.

\*\* Sử dụng nguồn khấu hao tài sản hình thành từ vốn vay để trả nợ